

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2021/HS-ST**

Ngày: 01-3-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ước;
2. Bà Nguyễn Đăng Khánh Phương .

-Thư ký phiên tòa: –Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Đoàn Dĩ Ly Đan - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Thượng Đình N. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 06/6/1969. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. HKTT: đường L, Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Làm thuê. Con ông: Thượng Sơn H (Đã chết). Con bà: Lê Thị C, sinh năm 1936, cư trú tại: Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Gia đình có 08 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1958, nhỏ nhất sinh năm 1974, bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Tiền án; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 27/9/2000 Thượng Đình N bị Tòa án Phúc thẩm Toàn án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 2445/HSPT ngày 27/9/2000. Đến tháng 12/2001 N đã chấp hành xong nghĩa vụ đóng án phí và ngày 08/02/2002 N đã chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại đường L, Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

- Người bị hại: Anh Ro Lik Ha V, sinh năm: 1997, ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Đ , huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (chết).

- *Người đại diện hợp pháp của người bị hại:* Ông Phi Srôn Ha K. Sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm: 1980; địa chỉ: đường T, Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Anh Pang Ting Ha D, sinh 1999, địa chỉ: Thôn Đ 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Anh Pang Ting Ha H, sinh 1995, địa chỉ: Thôn L 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Trần Anh V, sinh 1991, địa chỉ: đường L, Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

4. Anh Ứng Văn V, sinh năm 1973, địa chỉ: đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thượng Đình N, sinh năm: 1969, ĐKHKT: đường L, Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng làm thợ hồ và nhận sửa chữa xây dựng nhà dân tại thành phố Đà Lạt. Ngày 14/10/2018 chị Trần Thị Thu H, thuê N đến xây bờ tà luy tại thửa đất của chị Hà tại đường A, Phường D, thành phố Đ, thỏa thuận chị H chuẩn bị vật liệu còn N phụ trách thi công công trình. Đến ngày 27/10/2018 N đưa anh Ro Lik Ha V, sinh năm: 1997, ĐKHKT: Anh Ro Lik Ha V, sinh năm: 1997, ĐKHKT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, anh Pang Ting Ha D, sinh năm: 1999, ĐKHKT: **Thôn Đ 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**, anh Pang Ting Ha H, sinh năm: 1995, ĐKHKT: **Thôn L 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** và anh Nguyễn Trần Anh Vũ, sinh năm: 1991, ĐKHKT: **đường L, Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**, là người làm thuê cho N đến công trình để trộn hồ và buộc cây sắt của trụ để đổ bê tông và thuê anh Ứng Văn V đến đào hố để chôn trụ tà luy. Ngày 06/11/2018 anh Ha D, anh Ha V, anh Ha H và anh V đến công trình để làm sắt trụ còn anh V sử dụng máy đào đất loại nhỏ đào hố kích thước rộng 3,25m x 1,9m, sâu 2,5m để chôn trụ bê tông. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi anh V đã đào xong hố thứ hai có kích thước tương tự, lúc này ở phía trên có V, D, H và V đang vác sắt làm trụ đổ bê tông, thì bất ngờ bờ đất sạt lở làm Ha V bị trượt chân ngã xuống hố thứ hai rồi bị đất đè lấp Ha V ở dưới hố. Sau đó, mọi người xúc đất lên rồi đưa Ha V đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng nhưng Ha V đã bị chết.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 326/2018/TT ngày 20/11/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng kết luận: Nguyên nhân chết của anh Ro Lik Ha V là suy hô hấp – truy tìm mạch cấp trên tử thi bị hội chứng vùi lấp.

Công văn số 192/SLĐTBXH-TTr ngày 11/3/2019 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Lâm Đồng về việc phối hợp điều tra tai nạn lao động xác định:

Căn cứ Điều 15, Điều 16 khoản 2 Bộ luật lao động; Căn cứ Điều 3 khoản 8 Luật an toàn, vệ sinh lao động thì: Giữa ông Thượng Đình N và ông Rô Lik Ha Vang đã

phát sinh mối quan hệ pháp luật về lao động. Trong đó: ông Thượng Đình N là người sử dụng lao động và ông Ro Lik Ha V là người lao động. Tai nạn xảy ra vào lúc 13h30' ngày 06/11/2018 khi ông Ro Lik Ha V đang làm việc là tai nạn lao động. Căn cứ vào hồ sơ điều tra ban đầu của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ thì: Sau khi san lấp mặt bằng để thi công hố móng, người có trách nhiệm thực hiện công tác an toàn lao động tại công trình không thực hiện việc chống vách để chống sạt lở đất. Căn cứ các điểm: 2.1.1, điểm 2.12.1.9, điểm 2.12.1.10 QCVN 18: 2014/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số: 14/2014/TT-BXD ngày 05/9/2014 của Bộ Xây dựng thì: Hành vi không thực hiện việc chống vách để chống sạt lở đất là nguyên nhân gây ra vụ tai nạn lao động chết người.

Công văn số 857/SLĐTBXH-TTr ngày 05/8/2020 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Lâm Đồng về việc phối hợp điều tra tai nạn lao động xác định: Căn cứ Điều 113 khoản 2b Luật Xây dựng quy định: “Nhà thầu thi công xây dựng có các nghĩa vụ sau: Lập và trình chủ đầu tư phê duyệt thiết kế biện pháp thi công, trong đó quy định cụ thể các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình”. Như vậy, ông Thượng Đình N là người phải chịu trách nhiệm về vụ tai nạn lao động xảy ra vào khoảng 13h30 ngày 06/11/2018 làm ông Ro Lik Ha V tử vong.

Người bị hại: Anh Ro Lik Ha V, sinh năm: 1997, ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi anh Ha V chết, bị cáo Thượng Đình N và bà Trần Thị Thu H đã hỗ trợ và bồi thường tiền chi phí mai táng là 75.000.000 đồng cho gia đình anh Ha V, gia đình anh Ha V đã làm đơn xin bãi nại cho Thượng Đình N và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 12/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*” theo điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Bị cáo Thượng Đình N, đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc khiếu nại gì về các kết luận giám định, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Ông Phi Srôn Ha K là người đại diện hợp pháp của người bị hại trình bày: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo và bà Trần Thị Thu H có bồi thường cho gia đình ông số tiền 75.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông có yêu cầu bồi thường thêm, bồi thường bao nhiêu thì bị cáo quyết định nhưng ít nhất là 10.000.000đ, và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng anh Nguyễn Trần Anh V trình bày: thống nhất với lời khai của bị cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng số 14/CT-VKSĐL ngày 12/01/2021, và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Thượng Đình N, phạm tội “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*”. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Thượng Đình N,

02 - 03 năm cải tạo không giam giữ. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo mỗi tháng 250.000đ (5% của mức thu nhập / tháng) trong thời gian cải tạo không giam giữ. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo qui định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Không ai tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải, xin lỗi gia đình bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội, bị cáo cam đoan không vi phạm pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Tại hồ sơ thể hiện chị Trần Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa người làm chứng anh V, anh H, anh D vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng có mặt đồng ý xét xử vắng mặt người làm chứng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Xét thấy việc vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và một số người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 14/10/2018 chị Trần Thị Thu Hà thuê Thượng Đình N đến xây bờ ta luy tại thửa đất của bà H tại đường A, Phường D, thành phố Đ và thỏa thuận chị H chuẩn bị vật liệu còn N phụ trách thi công công trình. Đến ngày 27/10/2018 N đưa anh Ro Lik Ha V, anh P Ting Ha D, anh Pang Ting Ha H và anh Nguyễn Trần Anh V đến công trình để đào hố, trộn hồ và buộc cây sắt để đổ trụ bê tông. Do không thực hiện việc chống vách để chống sụt lở đất nên khoảng 13 giờ 30 phút ngày 06/11/2018, bờ đất sụt lở làm anh Ha V bị ngã xuống hố thứ hai rồi bị đất đè lấp ở dưới hố dẫn đến anh Ha V bị chết. Hành vi của bị cáo N thực hiện đã vi phạm khoản 4 Điều 6 Luật an toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và đủ yếu tố cấu thành tội "*Vi phạm quy định về an toàn lao động*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 295. Tội vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người

1. Người nào vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

... ”

Trong vụ án này, có chị Trần Thị Thu H là người đã ký hợp đồng dịch vụ với bị cáo, bản thân chị Trần Thị Thu H và bị hại không phát sinh mối quan hệ pháp luật về lao động. Nên Cơ quan điều tra công an thành phố Đ không xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị Trần Thị Thu H là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo cùng với chị Trần Thị Thu H đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về nhân thân: Ngày 27/9/2000 Thượng Đình N bị Tòa án Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 2445/HSPT ngày 27/9/2000

[6] Về quyết định hình phạt: Xét thấy bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, mà theo qui định của pháp luật “Nhà thầu thi công xây dựng có các nghĩa vụ sau: Lập và trình chủ đầu tư phê duyệt thiết kế biện pháp thi công, trong đó quy định cụ thể các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình” nhưng bị cáo đã không tuân thủ nghiêm túc, cụ thể là không thực hiện việc chống vách để chống sạt lở đất, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng làm chết người. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về an toàn lao động mà còn gây thiệt hại đến tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ, gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị và trật tự tại địa phương nên cần xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, xét thấy căn cứ tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt, vì vậy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ xử phạt bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo. Đồng thời khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo là

5% trên thu nhập của bị cáo (bị cáo khai thu nhập hàng tháng từ 5.000.000đ – 7.000.000đ) để sung công quỹ nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Thượng Đình N, và chị Trần Thị Thu H là chủ đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu đồng). Tại phiên Tòa, đại diện người bị hại có yêu cầu bồi thường thêm ít nhất 10.000.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường thêm 15.000.000đ. Nên chấp nhận, buộc bị cáo bồi thường thêm cho gia đình người bị hại số tiền 15.000.000đ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Thượng Đình N, phạm tội “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*”

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt Thượng Đình N, 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản án.

Áp dụng khoản 2 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015. Giao bị cáo Thượng Đình N cho Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Áp dụng khoản 3,4 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo mỗi tháng 250.000đ, để sung công quỹ nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ khác theo các qui định về cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3.Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Thượng Đình N phải bồi thường tiếp cho gia đình người bị hại số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)

4.Về Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Thượng Đình N, phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS TP. Đ;
- Công an TP. Đ;
- THADS TP. Đ;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký tên và đóng dấu

Đoàn Thị Tuyết Nga

